

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/08/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+BK9+BK16	7:25	22+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
2		TD5+CTK3+KNT	7:25	17+5+0	0+0+0		13+5+1	0+0+0	BENHNHAN KNT
3		RC6+BK20+TD2	9:25	5+2+15	0+0+0		0+4+16	0+0+0	
4		P8+P3+P2	9:25	8+14+0	0+0+0		2+0+17	0+0+0	
5		P6+P11+P2+VSP02	11:25	10+1+9	0+0+0		0+0+9+2	0+0+0	

TTĐĐSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH - 1	TO: TD3 - BK9 - BK16	CREW: VTHẮNG - N.ANH - MQUẢN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3333	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ARUSHANOV SERGEI	TD3	63 /	1	16			119	KHOAN	Russian
2	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	600 /	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3						69	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	65 /	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	70 /	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TIÊN LỤC	TD3	67/68	2	12			66	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	69 /	1	9			56	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	TD3	61-62	2	11			58	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	66 /	1	10			71	YTE	Vietnamese
10	LÊ VĂN BIÊN	TD3	55-56 /	2	17			76	HA VIỆT	Vietnamese
11	PHAN THANH TY	TD3	52-53 /	2	11			50	HA VIỆT	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN AN	TD3	54 /	1	9			59	HA VIỆT	Vietnamese
13	HOANG VĂN THANH	TD3	51 /	1	5			57	HA VIỆT	Vietnamese
14	VƯƠNG HỮU QUỐC THAI	TD3	60 /	1	7			78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	71 /	1	4			84	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG THANH TU	TD3						87	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHÍ QUY	TD3	57-58 /	2	10			72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	59 /	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD3	50 /	1	9			65	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THẾ DŨNG	TD3	64 /	1	11			64	KHOAN	Vietnamese
21	ĐỖ TIÊN DŨNG	TD3	49 /	1	5			55	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG MINH	TD3	48 /	1	11			83	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	22	1.562	25	181	0	0	18		
2	BK9	0	0	0	0	2	35	2		
3	BK16	0	0	0	0	1	20	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.562</b>	<b>25</b>	<b>181</b>	<b>3</b>	<b>55</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.562</b>		<b>181</b>		<b>55</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỰC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-2	TO:CTK3 - TD5 - KNT	CREW: HÙNG - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3336	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TÂN ĐẠT	CTK3	39-40	2	12			74	NAM TIEN	Vietnamese
2	CAO MINH CHIÊU	CTK3	43	1	9			70	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU CHIÊN	CTK3	44	1	9			68	NAM TIEN	Vietnamese
4	PHẠM HOÀNG CHÂU	CTK3	41-42	2	13			63	NAM TIEN	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	59	1	2			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	57	1	4			68	KHOAN	Vietnamese
7	TU DƯƠNG DŨNG	TD5	49	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM LÊ TUẤN LIÊM	TD5	54	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	46	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
10	HỒ VĂN TIÊN	TD5	51	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ NGỌC LIÊM	TD5	47-48	2	10			66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD5						87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	44	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU HOÀN	TD5	52	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
15	LIU VĂN PHONG	TD5	50	1	3			70	KHOAN	Vietnamese
16	LUÔNG MINH PHỤNG	TD5	53	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
17	ĐÌNH CHÍ CÔNG	TD5	45	1	13			63	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN MINH PHÚC	TD5	55-56	2	17			68	KHOAN	Vietnamese
19	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	58	1	12			85	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ TÂN HOA	TD5	61-62	2	19			75	SCHLUMBE	Vietnamese
21	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	60	1	3			91	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	4	275	6	43	0	0	5		
2	TD5	17	1.234	19	123	0	0	13		
3	KNT	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.509</b>	<b>25</b>	<b>166</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.509</b>		<b>166</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:RC6 - BK20 - TD2	CREW: VTHẮNG - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3334	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO MINH CUÔNG	RC6	05-06	2	16	1	21	91	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG TRUNG	RC6	09-10	2	18	2	26	67	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN DUY TIẾN	RC6	11-12	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM MINH VŨ	RC6	13	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ XUÂN THÀNH	RC6	07-08	2	20			71	XAYLAP	Vietnamese
6	HÀ VĂN TRƯỜNG	BK20	62	1	13	2	40	56	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ XUÂN VŨ	BK20	63	1	13			70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	70	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÌNH DUY HAI	TD2	74	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	61	1	6			58	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẬP TOÀN	TD2						66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD2						79	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG XUÂN KIẾN	TD2	64-65	2	7			67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	71	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LINH	TD2	73	1	4			51	YTE	Vietnamese
16	LÊ MINH ĐỨC	TD2	67	1	4			91	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHI ĐỨC	TD2	66	1	2			53	KHOAN	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN HUẤN	TD2	69	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN DUAN	TD2	50	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
20	LƯƠNG ĐỨC MINH	TD2	62-63	2	11			64	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	68	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
22	TRẦN VĂN MINH	TD2	72	1	11			62	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC6	5	377	9	89	3	47	0		
2	BK20	2	126	2	26	2	40	4		
3	TD2	15	1.010	15	77	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.513</b>	<b>26</b>	<b>192</b>	<b>5</b>	<b>87</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.513</b>		<b>192</b>		<b>87</b>			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM - 2	TO: P8 - P3 - P2	CREW: HÙNG - HTRUNG - ĐTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM25/3337		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN SƠN	P8	16	1	9	2	15	71	CANTI	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN HỘI	P8	11	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	P8	12	1	5			67	NAM TIEN	Vietnamese
4	HOANG MINH THUẬN	P8	36	1	7			70	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	14	1	8			66	NAM TIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THAI	P8	13	1	7			64	NAM TIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	P8	15	1	4			75	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KIẾN	P8	39	1	8			63	PSV	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG CHUÔNG	P3	15-16	2	13			79	TRUNG TIN	Vietnamese
10	LÊ THANH QUANG	P3	17-18	2	18			61	TRUNG TIN	Vietnamese
11	NGUYỄN HIỆU NGHĨA	P3	21-22	2	11			54	TRUNG TIN	Vietnamese
12	HÀ QUỐC LỘC	P3	09	1	4			65	TRUNG TIN	Vietnamese
13	VÕ HỒNG SƠN ĐẠT	P3	12	1	6	2	28	57	TRUNG TIN	Vietnamese
14	VÕ NGỌC HOÀNG	P3	14	1	6			52	TRUNG TIN	Vietnamese
15	PHAN ĐÌNH TRÚC	P3	11	1	7			83	TRUNG TIN	Vietnamese
16	VÕ VĂN CỎ	P3	10	1	7			49	TRUNG TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY THĂNG	P3	08	1	9			75	TRUNG TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HÙNG	P3	19	1	12			68	TRUNG TIN	Vietnamese
19	VÕ HỒNG SƠN TRUNG	P3	13	1	12			65	TRUNG TIN	Vietnamese
20	PHẠM MINH TUẤN	P3	07	1	13	1	3	63	PSV	Vietnamese
21	TRƯƠNG MINH NHỰT	P3	20	1	7			58	TRUNG TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	8	549	8	55	2	15	3		
2	P3	13	829	16	125	3	31	0		
3	P2	0	0	0	0	2	29	17		
TOTAL		21	1.378	24	180	7	75	20		
WEIGHT KG			1.378		180		75			

GRAND TOAL: 1.633 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P6 - P11 - P2 - VSP02	CREW: DUONG - SON - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/3335	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	NGUYEN NGOC ANH	P6	85	1	10	6	68	75	XAYLAP	Vietnamese
2	TRINH THANH GIANG	P6	84	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ VĂN TUNG	P6	46	1	8	1	17	56	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ THỊ GIÁP	P6	50	1	16			67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	P6	01-02	2	19			85	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ ĐĂNG ĐẠO	P6	81-82	2	14			71	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TÂM	P6	79-80	2	16			72	XAYLAP	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN THANH	P6	44	1	7	1	14	71	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HUY	P6	83	1	12			58	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐẠM	P11	65-66	2	13			68	DVL	Vietnamese
11	BUI KHÁC SƠN	P2	09	1	8	1	15	67	XAYLAP	Vietnamese
12	BIỆN VĂN THANH	P2	07	1	14			83	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ TÀI	P2	13	1	13	1	9	53	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KIẾN	P2	03	1	11	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TỎ	P2	05	1	9	1	13	52	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TỬ	P2	01-02	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P2	10-11	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
18	HÀ VĂN SAU	P2	44-45	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VĂN THOẠI	P2	46	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P6	9	629	12	119	8	99	0		
2	P11	1	68	2	13	0	0	0		
3	P2	9	597	12	126	4	52	9		
4	VSP02	0	0	0	0	0	0	2		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.294</b>	<b>26</b>	<b>258</b>	<b>12</b>	<b>151</b>	<b>11</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.294</b>		<b>258</b>		<b>151</b>			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG  
PHẠM THÁI SƠN